

Số 576 /QĐ-CTCP397

Đông Triều, ngày 29 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Thuê thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và thu hồi
sản phẩm sau xử lý năm 2024

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa 14, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022;

Căn cứ Quy định số 102/QĐ-CT397 ngày 12/01/2023 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Tờ trình ngày 28/12/2023 của Phòng CDVT về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu Thuê thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và thu hồi sản phẩm sau xử lý năm 2024;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 29/12/2023 của Tổ thẩm định dự toán về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu Thuê thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và thu hồi sản phẩm sau xử lý năm 2024;

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng CDVT Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu Thuê thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và thu hồi sản phẩm sau xử lý năm 2024, với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

a. Dự toán, danh mục chất thải nguy hại, đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại:

| STT | Tên chất thải | Mã CTNH | ĐVT | Số lượng dự kiến | Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý (VNĐ) | Thành tiền (đồng) |
|-----|--|----------|-----|------------------|--|--------------------|
| 1 | Dầu thải | 17 02 04 | Kg | 60.000 | 2.000 | 120.000.000 |
| 2 | Bao bì cứng thải bằng kim loại (vỏ phi nhiễm dầu) | 18 01 02 | Kg | 8.000 | 2.000 | 16.000.000 |
| 3 | Ắc quy chì thải | 19 06 01 | Kg | 3.000 | 4.000 | 12.000.000 |
| 4 | Chất hấp thụ, giẻ lau, vải bảo vệ thải dính dầu | 18 02 01 | Kg | 800 | 4.000 | 3.200.000 |
| 5 | Bộ lọc dầu đã qua sử dụng | 15 01 02 | Kg | 10.000 | 3.000 | 30.000.000 |
| 6 | Bao bì mềm thải | 18 01 01 | Kg | 100 | 4.000 | 400.000 |
| 7 | Bóng đèn huỳnh quang thải | 16 01 06 | Kg | 30 | 4.000 | 120.000 |
| 8 | Hộp mực in thải | 08 02 04 | Kg | 50 | 4.000 | 200.000 |
| 9 | Pin thải | 19 06 05 | Kg | 30 | 4.000 | 120.000 |
| 10 | Các thiết bị, bộ phận của phanh đã qua sử dụng có chứa amiang | 15 01 06 | Kg | 80 | 5.000 | 400.000 |
| 11 | Que hàn thải có các thành phần nguy hại | 07 04 01 | Kg | 40 | 5.000 | 200.000 |
| 12 | Các chất thải có thành phần nguy hại khác (Tuy ô thủy lực, Gioăng phốt cao su) | 12 02 06 | Kg | 800 | 5.000 | 4.000.000 |
| | Cộng tiền hàng trước thuế | | | | | 186.640.000 |
| | Thuế GTGT 8% | | | | | 14.931.200 |
| | Tổng cộng tiền sau thuế | | | | | 201.571.200 |

(Bảng chữ: Hai trăm linh một triệu, năm trăm bảy một ngàn, hai trăm đồng chẵn./.)

2. Dự toán, danh mục sản phẩm, đơn giá thu hồi sau xử lý:

| TT | Tên sản phẩm thu hồi sau xử lý | ĐVT | Số lượng dự kiến | Đơn giá thu hồi sau xử lý (VNĐ) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|----|--------------------------------|-----|------------------|---------------------------------|-------------------|---------|
|----|--------------------------------|-----|------------------|---------------------------------|-------------------|---------|

| | | | | | | |
|-------------------------------------|---|----|--------|-------|--------------------|----------------------------------|
| 1 | Dầu thu hồi sau xử lý | Kg | 42.000 | 3.000 | 126.000.000 | Tỷ lệ thu hồi sau xử lý bằng 70% |
| 2 | Phế liệu thu hồi sau xử lý ác quy | Kg | 2.100 | 7.000 | 14.700.000 | Tỷ lệ thu hồi sau xử lý bằng 70% |
| 3 | Bao bì cứng thái bằng kim loại (vỏ phi) thu hồi sau xử lý | Kg | 6.400 | 4.000 | 25.600.000 | Tỷ lệ thu hồi sau xử lý bằng 80% |
| Cộng tiền hàng trước thuế | | | | | 166.300.000 | |
| Thuế GTGT 8% | | | | | 13.304.000 | |
| Tổng cộng tiền hàng sau thuế | | | | | 179.604.000 | |

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

| STT | Tên gói thầu | Giá gói thầu (đồng) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng |
|-----|--|--|---|------------------------------|-------------------------------|---|-----------------|---|
| 1 | Gói thầu Thuê thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và thu hồi sản phẩm sau xử lý năm 2024 | 1. Giá trị thuê thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại: 201.571.200 đồng 2. Giá trị sản phẩm thu hồi sau xử lý: 179.604.000 đồng | Chi phí sản xuất năm 2024 của Công ty cổ phần 397 | Chào hàng cạnh tranh rút gọn | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | Tháng 4 năm 2024 | Đơn giá cố định | Kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực đến hết 31/12/2024 |

Điều 2. Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

